

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 495/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-4-2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Hoàng Thu
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

**– Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

**– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số D6/197 ấp M, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

*Bị đơn:* Ông Hồ Văn T1, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Nhà không số, tổ O, ấp M, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:*

Bà T và ông Hồ Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, không có tổ chức đám cưới; đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N,

huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 cấp ngày 23/5/2005. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Ông T1 có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Cả hai đã sống ly thân đã hơn 01 năm nay. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Hồ Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2004 (Giới tính: Nữ) và Hồ Văn T2, sinh ngày 05/7/2016 (Giới tính: Nam). Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi hai trẻ H và trẻ T2; không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có.

*Đối với bị đơn ông Hồ Văn T1:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên, còn chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Hồ Văn T1. Về con chung, giao 02 trẻ Hồ Thị Thu Hồng, sinh ngày 27/7/2004 và Hồ Văn Thịnh, sinh ngày 05/7/2016 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Văn T1; bị đơn hiện cư trú tại xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Hồ Văn T1 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Ngô Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 cấp ngày 23/5/2005; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định giữa bà và ông T1 mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông T1 đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; cả hai sống ly thân thời gian dài. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử ông T1 vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị T đối với ông Hồ Văn T1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Hồ Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2004 (Giới tính: Nữ) và Hồ Văn T2, sinh ngày 05/7/2016 (Giới tính: Nam); không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 08/12/2020, hiện nay hai trẻ H và trẻ T2 đang sinh sống cùng với ông T1 và được ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng; đảm bảo điều kiện phát triển tốt, ông T1 trực tiếp nuôi dạy, đưa đón các trẻ đi học. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 02 trẻ H và trẻ T2 cho ông T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ H và trẻ T2 đối với bà T cho đến khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56, 57, 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị T đối với ông Hồ Văn T1.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Hồ Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 đăng ký ngày 23 tháng 5 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Ngô Thị T và ông Hồ Văn T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 trẻ Hồ Thị Thu H, sinh ngày 27/7/2004 (Giới tính: Nữ) và Hồ Văn T2, sinh ngày 05/7/2016 (Giới tính: Nam) cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà T khi có đơn yêu cầu.

Bà Ngô Thị T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Ngô Thị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0078994 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**II.** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. N, H. Bình Chánh,
- TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khương**